TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/ HNGĐ-ST.
Ngày: 06/5/2022
" V/v Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thành Tam

2/ Ông Nguyễn Thành Long

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Thuỷ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT không tham gia phiên tòa.*

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Đặng Thị Kim L**, sinh năm 1980 (Có mặt)

HKTT: ấp PT, xã NP, huyện MT, Vĩnh Long

Chổ ở: ấp TĐ, xã TQT, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long

- <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Thị Kim L trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu được gia đình cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã NP, huyện MT vào ngày 08/8/2005.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính

tình, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cải, bản thân chị và cha mẹ hai bên nhiều lần khuyên can hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 22/6/2005 và cháu Nguyễn Quốc D1, sinh ngày 25/8/2010 do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi con chung theo nguyện vọng của hai cháu, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung trên 07 tuổi cháu Nguyễn Khánh D1 và Nguyễn Quốc D2 trình bày: Các cháu là con của cha H và mẹ L, khi cha mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng sống cùng cha.

Tại bản khai ý kiến ngày 23/3/2022, bị đơn Nguyễn Văn H trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị L trình bày là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến nổi phải ly hôn, chị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nhiều lần anh kêu về đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung, nhưng chị L không đồng ý, mà chỉ lâu về nhà thăm con. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh, anh không có ý kiến, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung chị L trình bày là đúng: Anh H đồng ý nuôi hai con chung theo nguyên vọng của các cháu, chưa yêu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Đặng Thị Kim L trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung giao hai cháu Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 22/6/2005 và cháu Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 25/8/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Chị yêu cầu được thường xuyên thăm các con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà.

Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn Đặng Thị Kim L và bị đơn Nguyễn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện MT , được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H qua tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp. Năm 2018 trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cha mẹ hai bên nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị và anh H sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Tại bản khai ý kiến ngày 23/3/2022, bị đơn Nguyễn Văn H thừa nhận Về quan hệ hôn nhân chị L trình bày là đúng, về mâu thuẫn vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến nổi phải ly hôn, chị L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nhiều lần anh kêu về đoàn tụ để cùng chăm sóc con chung, nhưng chị L không đồng ý, mà chỉ lâu lâu về nhà thăm con. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh, anh không có ý kiến, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh, chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, thể hiện tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp.

[3] Về Con chung: Giao hai cháu Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 22/6/2005 và cháu Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 25/8/2010, cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chưa yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Kim L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh D1, sinh ngày 22/6/2005 và cháu Nguyễn Quốc D2, sinh ngày 25/8/2010 do anh H trực tiếp nuôi theo nguyên vọng của các cháu. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006797 ngày 24/11/2021. Chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã NP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Huỳnh Thị Linh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH VĨNH LONG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 06 tháng 5 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân :

1.Ông Lê Thành Tam

2.Ông Nguyễn Thành Long

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2021 về "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Kim L**, sinh năm 1980 (Có mặt)

HKTT: ấp PT, xã Nhơn Phú, huyện MT, Vĩnh Long

Chổ ở: ấp Tân Đông, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã Nhơn Phú, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU(9)

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227; các Điều 266; 267 của Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 09, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Kim L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Hùng.

2/Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 22/6/2005 và cháu Nguyễn Quốc Duy, sinh ngày 25/8/2010 do anh Hùng trực tiếp nuôi theo nguyên vọng của các cháu. Các đương sự có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chưa yêu cầu nên không xem xét.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: Chưa yêu cầu, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Kim L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006797 ngày 24/11/2021. Chị Luyến đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tam **Nguyễn Thành Long** **Huỳnh Thị Linh**